

Hướng dẫn giải VBT Ngữ Văn 8 tập 1 bài Chương trình địa phương (phần tiếng Việt) ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức.

Giải câu 1 trang 72 VBT Ngữ Văn 8 tập 1

Tìm các từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương tương ứng với các từ ngữ toàn dân sau đây (yêu cầu học sinh làm vào vở).

Phương pháp giải:

Bài tập này yêu cầu sử dụng các từ ngữ địa phương cho sẵn trong bảng để tìm từ ngữ tương ứng được dùng ở địa phương, nơi em đang sinh sống. Nếu có trường hợp nào khó tìm từ ngữ địa phương tương ứng, em có thể hỏi bố mẹ, ông bà... Tìm xong, em điền từ ngữ dùng ở địa phương vào cột thứ ba trong bảng dưới đây.

Lời giải chi tiết:

STT	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ được dùng ở địa phương em
1	Cha	Bố, tía, cậu, thầy
2	Mẹ	Má, mợ ,u, vú, bầm
3	Ông nội	Ông nội
4	Bà nội	Bà nội
5	Ông ngoại	Ông ngoại, ông vải
6	Bà ngoại	Bà ngoại, bà vải
7	Bác (anh của cha)	Bác trai
8	Bác (vợ anh của cha)	Bác gái
9	Chú (em trai của cha)	Chú
10	Thím (vợ của chú)	Thím
11	Bác (chị của cha)	Cô

12	Bác (chồng chị của cha)	Dượng
13	Cô (em gái của cha)	Cô
14	Chú (chồng em gái của cha)	Dượng
15	Bác (anh của mẹ)	Cậu
16	Bác (vợ anh của mẹ)	Mợ
17	Cậu (em trai của mẹ)	Cậu
18	Mợ (vợ em trai của mẹ)	Mợ
19	Dì (chị của mẹ)	Dù
20	Dượng (chồng chị của mẹ)	Dượng
21	Dì (em gái của mẹ)	Dì
22	Dượng (chồng chị của mẹ)	Dượng
23	Anh trai	Anh
24	Chị dâu	Chị
25	Em trai	em trai
26	Em dâu (vợ của em trai)	Em dâu
27	Chị gái	Chị gái
28	Anh rể (chồng của chị gái)	Anh rể
29	Em gái	Em gái

30	Em rể (chồng của em gái)	Em rể
31	Con	Con
32	Con dâu (vợ của con trai)	Con dâu
33	Con rể (chồng của con gái)	Con rể
34	cháu (con của con)	cháu

Giải câu 2 trang 73 vở bài tập Ngữ Văn 8 tập 1

Sưu tầm một số từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương khác.

Phương pháp giải:

Muốn sưu tầm những từ ngữ này, em cần hỏi những người lớn tuổi đã từng đi đây đó, tra từ điển từ địa phương. Nếu em từng đọc tác phẩm văn học trong đó có dùng từ địa phương thì hãy nhớ lại một số từ (tham khảo một số từ địa phương Nam Bộ: *ba, tía, má, nội, ngoại, má hai, má năm...*)

Lời giải chi tiết:

- Miền Nam: *ba, tía(cha); má (mẹ); nội (bà nội); ngoại (bà ngoại); má hai (chị gái của mẹ hoặc của cha); má năm...*

- Miền Trung: *thầy, bọ (cha); u, mé, mợ (mẹ); o (cô)...*

Giải câu 3 trang 74 VBT Ngữ Văn lớp 8 tập 1

Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích ở địa phương em.

Phương pháp giải:

Em có thể hỏi những người lớn tuổi hoặc tìm đọc các sách sưu tầm văn học dân gian ở địa phương, các tập thơ xuất bản ở địa phương... Em chép xuống dưới đây, rồi gạch dưới các từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích trong bài thơ, bài ca dao đó.

Lời giải chi tiết:

- Bài 1:

"Em về thưa mẹ cùng thầy,

Có cho anh cưới tháng này anh ra.

Anh về thưa mẹ cùng cha

Bắt lợn sáng cưới, bắt gà sang cheo"

- Bài 2:

"Mạ non bằm cây mấy đon

Ruột gan bằm lại thương con mấy lần".

- Bài 3:

Bằm ơi có rét không bằm!

Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn

(Bằm ơi – Tố Hữu)